TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **08/2018/HSST**.
Ngày: **08/5/2018**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phan Thị Trúc Phương**

2. Ông: **Từ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Hưởng** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Văn S -** sinh năm 1995 (Có mặt)

Nơi ĐKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê - Trình độ văn hóa: 2/12 - Dân tộc: Kinh. Con ông Võ Văn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961. Vợ: Nguyễn Thị Thùy Â, sinh năm 1996. Con: 01 người sinh năm 2016. ***Tiền án, tiền sự***: Không. Bị bắt tạm giữ: ngày 11/10/2017 chuyển tạm giam cho đến nay.

** Người bị hại:*

1. Anh **Lê Nguyễn Vĩnh K** - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Kiên Giang.

2. Anh **Nguyễn Trường T** - sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Đinh Hoàng L** - sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. Chị **Phạm Thị Xuân T** - sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh **Trần Ngọc Đ** - sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

6. Anh **Phạm Hoàng C** - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Võ Văn C** - sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Người làm chứng:*

Anh **Võ Văn X** - sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/06/217 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Võ Văn C, Trần Công H và Huỳnh Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử xong và bản án đã có hiệu lực từ ngày 14/12/2017. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì Võ Văn C đã khai báo biết rõ Võ Văn S (là em ruột của Võ Văn C) và Nguyễn Văn T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số kiểm soát 68T1-14543 vào ngày 16/5/2017 tại khu phố Đ, thị trấn T của chị Phạm Thị Xuân T.

Trong quá trình điều tra xác minh làm rõ đã đủ chứng cứ, nên Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành khởi tố vụ án, bị can đối với Võ Văn S về hành vi trộm cắp tài sản để tiếp tục điều tra mở rộng, thì Võ Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/11/2016 Võ Văn S đi cùng Võ Văn C ra Quốc lộ 80 uống cà phê bằng xe của C, trên đường đi ngang tiệm Internet gần bến đò Kinh 2 thuộc ấp Đ, xã Thạnh Đ, huyện T. Lúc này S phát hiện chiếc xe Exiter (BS 68E1-15078) màu xanh, đậu trước tiệm Internet của anh Lê Vĩnh K rồi S kêu C dừng xe lại cho S xuống có công chuyện và kêu C đi uống nước một mình. Khi C chạy xe đi uống cà phê thì S đi lại dùng đoản mang theo sẵn trong người bẻ khóa xe Exiter (BS 68E1-15078). Sau đó S chạy xe vừa trộm cắp được bán cho người lạ mặt trong tiệm game ở huyện H, TP.HCM (không rõ địa chỉ) được 11.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá số: 27 ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, xe mô tô Exciter biển kiểm soát 68E1-15078 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 34.560.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 21 giờ ngày 09/02/2017 Võ Văn C đi cùng Nguyễn Văn D (sinh 03/04/2001) lấy trộm chiếc xe Exiter (BS 68T1-02957) màu trắng xanh của Nguyễn Trường T tại khu dân cư ấp T, xã T, huyện T. Sau đó, C giao xe vừa trộm được cho S (vì C có điện thoại trước và thỏa thuận với S,

khi lấy được xe thì giao cho S đi tiêu thụ), rồi S tiếp tục đem xe lên bán cho người lạ mặt trong tiệm game ở huyện H, TP.HCM được 7.500.000đ, S chia cho C 03 triệu đồng, số tiền còn lại được chia 4.500.000đ S đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá số: 11 ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, xe mô tô Exciter biển kiểm soát 68T1- 02957 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 21.500.000đ.

- Lần thứ ba: Vào khoảng 10 giờ ngày 17/3/2017 Võ Văn C đi cùng Võ Văn S xuống nhà trọ 327, ngụ ấp Đ, xã T để tìm bạn gái của S bằng xe của C nhưng không gặp, rồi C chở S đến quán cà phê gần đầu Kinh 7 uống cà phê. Trong lúc ngồi uống cà phê thì S phát hiện tiệm tạp hóa kế bên có nhiều xe môtô không có người trông giữ, nên một mình S đi bộ qua lén lúc dùng đoản bẻ khóa xe Wave màu đỏ (BS 68T1-25546) của Đinh Hoàng L rồi tiếp tục chạy lên bán cho người lạ mặt trong tiệm game ở huyện H, TP.HCM (không rõ địa chỉ) được 6.000.000đ. S mua ma túy đá hết 5.000.000đ cho C phân nửa, còn lại 1.000.000đ S tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá số: 26 ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, xe mô tô Wave biển kiểm soát 68T1-25546 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 13.200.000đ.

- Lần thứ tư: Vào khoảng 19 giờ ngày 17/3/2017 Võ Văn C chạy xe chở Võ Văn S đi uống cà phê bằng xe của C trên tuyến 600 thuộc ấp Đ, xã T, huyện T. Lúc này S phát hiện chiếc xe Sirius đỏ đen (BS 68F5-9011) của anh Trần Ngọc Đ không ai trông giữ nên kêu C quay đầu xe lại để S lấy trộm. Do xe có công tắc phụ nên đạp xe không nổ, vì vậy C tiếp đẩy xe vừa trộm cắp được về nhà C cất giấu. Sáng hôm sau phát hiện công tắc phụ, nên S tiếp tục chạy xe vừa trộm được lên bán cho người lạ mặt nghỉ trọ ở huyện H, TP.HCM (không rõ địa chỉ) được 3.000.000đ, S chia cho C được 1.500.000đ.

Theo kết luận định giá số: 10 ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, xe mô tô Sirius biển kiểm soát 68F5-9011 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 8.500.000đ.

- Lần thứ năm: Vào khoảng 24 giờ ngày 15/4/2017 Võ Văn S chạy xe chở anh ruột là Võ Văn X bằng xe của anh X đi chơi từ R về đến ấp P, xã M, huyện C thấy nhà người dân tổ chức uống rượu, bia nhưng mọi người đã ngủ hết. S phát hiện có chiếc xe Wave màu trắng (BS 68C1-33240) của anh Phạm Hoàng C để trước nhà, nên kêu Xdừng xe lại cho S xuống lấy trộm nhưng X can ngăn không đồng ý, rồi S xuống xe lén lút lấy trộm xe trên chạy về nhà S cất giấu. Đến hai ngày sau, S rủ Phan Hoài B cùng đi với S lên TP. H bán xe vừa trộm cắp được cho N được 8.000.000đ, S mua lại ma túy đá của N hết 5.000.000đ, còn lại 3.000.000đ S và B tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá số: 83 ngày 13/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Kiên Giang, xe mô tô Wave biển kiểm soát 68C1-33240 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 15.201.000đ.

- Lần thứ sáu: Vào khoảng 21 giờ ngày 16/5/2017 Võ Văn S kêu Nguyễn Văn T lấy xe của T chở S đi tìm xe môtô sở hở để lấy trộm thì T đồng ý. Khi S và T chạy xe qua cầu Kinh 10, thuộc khu phố Đ, thị trấn T thì S phát hiện có một chiếc xe Sirius màu đen bạc (BS 68T1-14543) của chị Phạm Thị Xuân T. Lúc này S kêu T thả S xuống để lấy trộm xe, còn T quay đầu xe lại đứng đợi S gần đó. Khi lấy trộm được xe, S chạy về nhà Lê Minh K ngụ ấp Đ, xã T, huyện T còn T chạy về theo sau. Khi S chạy xe về đến ấp Đ, xã T thì giao xe vừa trộm cắp được cho Võ Văn C để đi tiêu thụ, nhưng đến ngày hôm sau C vẫn chưa tiêu thụ được xe. Sau đó S lấy xe lại và cùng T chạy xe đến T gặp anh S1 không rõ địa chỉ nhờ bán xe vừa trộm cắp được, rồi S và T giao xe lại cho anh S1 lúc nửa đêm rồi về. Đến ngày hôm sau, anh S1 điện thoại cho S kêu xuống lấy tiền và nói bán xe được rồi với giá 3.000.000đ. S cho anh S1 200.000đ và đưa cho Tự 1.000.000đ còn lại 1.800.000đ S tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá số: 09 ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, xe mô tô Sirius biển kiểm soát 68T1-14543 có giá trị tại thời điểm phạm tội là: 9.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Võ Văn S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản từ ngày 20/11/2016 đến ngày 16/5/2017 tất cả 06 lần, của 06 người bị hại trên địa bàn huyện T và huyện C, tỉnh Kiên Giang là: 101.961.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung vụ án đã nêu trên. Xe lấy trộm đã bán cho những người lạ mặt không rõ địa chỉ nên không thu hồi được trả lại cho người bị hại. Số tiền bán xe trộm cắp có được bị cáo đã tiêu xài hết. Nay bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho 4 bị hại theo yêu của các bị hại tại phiên tòa : Bị hại anh Lê Vĩnh K số tiền 30.000.000đ, anh Đinh Hoàng L số tiền 10.000.000đ, anh Phạm Hoàng C số tiền 10.000.000đ, chị Phạm Thị Xuân T số tiền 9.000.000đ.

Bị hại anh Nguyễn Trường T, anh Trần Ngọc Đ tại bản án trước bị cáo Võ Văn C đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử buộc bồi thường, bản án nay đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 11 ngày 29/6/2017; số: 26 ngày 15/12/2017: số: 27 ngày 15/12/2017; số: 09 ngày 29/6/2017; số: 10

ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Kiên Giang; số: 83 ngày 13/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bản cáo trạng số 07/KSĐT-KT ngày 06/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo **Võ Văn S** về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Võ Văn S. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn S mức án từ 30 đến 36 tháng tù giam.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường giá trị xe do bị cáo trộm cắp của các bị hại cụ thể như sau:

+ Anh K số tiền 30.000.000đ, anh L số tiền 10.000.000đ, anh C số tiền 10.000.000đ, chị T số tiền 9.000.000đ.

Đối với bị hại Nguyễn Trường T, Trần Ngọc Đ tại bản án số 43/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang đã buộc bị cáo Võ Văn C bồi thường, bản án nay đã có hiệu pháp luật, nên bị cáo S không phải bồi thường cho anh T, anh Đ.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo; 02 biển số xe 68T1-14543 và 70F5-6346; 01 cuộn băng keo đen; 01 cây kìm; 01 cây chìa khóa đầu 10 và đầu 12; 01 lưỡi lam cũ.

+ Trả lại cho bị cáo Võ Văn S 01 điện thoại Nokia 1134 màu đen, bể màn hình, do không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, bị hại Lê Vĩnh K, Đinh Hoàng L, Trần Ngọc Đ, Phạm Hoàng C, Phạm Thị Xuân T có ý kiến: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị hại Trần Ngọc Đ đề nghị Tòa án xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, bị cáo S nhận tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo không có ý kiến gì và cũng không đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Văn S đã lợi dụng sự sơ hở và lén lút lấy trộm xe của anh Lê Vĩnh K, anh Nguyễn Trường T, anh Đinh Hoàng L, anh Trần Ngọc Đ, anh Phạm Hoàng C và chị Phạm Thị Xuân T. Tổng giá trị tài sản bị cáo S đã trộm cắp của các bị hại theo kết luật định giá tài sản là: 101.961.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’ được quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Văn S về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp và chiếm đoạt tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong xã hội.

Trong vụ án này đối với Võ Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2017 và C đã có khai báo Võ Văn S là đồng phạm trong vụ án đã được xét xử là phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ khác

có trong vụ án đối với Võ Văn S và Nguyễn Văn T. Riêng đối với Nguyễn Văn T hiện nay đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã khi nào bắt được xử lý sau. Đối với Phan Văn B và Võ Văn X Cơ quan điều tra đã chứng minh làm rõ, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm là phù hợp.

[4] Về các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa. Bị cáo S đã có yếu tố định khung hình phạt chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50 triệu đến dưới 200 triệu đồng và có thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên, bị cáo đã dùng thủ đoạn tinh vi phạm tội trộm cắp xe của 06 người bị hại với 06 lần phạm tội liên tiếp được quy định tại điểm g, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và tự thú những lần phạm tội trước đó, mà chưa bị các Cơ quan có thẩm quyền phát hiện xử lý nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đủ sức răn đe và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo và cũng đủ thời gian giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Văn S đã trộm cắp 6 chiếc xe của anh K, anh T, anh L, anh Đ, anh C và chị T, xe bị cáo trộm cắp đã bán cho người lạ mặt không rõ địa chỉ, hiện nay không thể thu hồi được, bị cáo chưa khắc phục bồi thường cho các bị hại. Do vậy, bị cáo có trách nhiệm bồi thường giá trị xe cho bị hại anh K số tiền 30.000.000đ; anh L số tiền 10,000.000đ; anh C số tiền 10.000.000đ và chị T số tiền 9.000.000đ là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy: Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây kéo; 02 biển số xe 68T1-14543 và 70F5-6346; 01 Cuộn băng keo đen; 01 cây kìm; 01 cây chìa khóa đầu 10 và đầu 12; 01 lưỡi lam cũ; 01 điện thoại Nokia 1134 màu đen, bể màn hình do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Võ Văn S.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí có giá ngạch trên số tiền bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại là: 59.000.000đ x 5% = 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Võ Văn S** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

+ Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn S mức án 36 tháng tù**. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 11/10/2017) và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường giá trị xe do bị cáo trộm cắp của các bị hại cụ thể như sau: Anh Lê Nguyễn Vĩnh K số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), anh Đinh Hoàng L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), anh Phạm Hoàng C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Phạm Thị Xuân T số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với bị hại Nguyễn Trường T, Trần Ngọc Đ tại bản án số 43/2017/ HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang đã buộc bị cáo Võ Văn C bồi thường, bản án nay đã có hiệu pháp luật, nên bị cáo Võ Văn S không phải bồi thường cho anh Nguyễn Trường T và anh Trần Ngọc Đ.

3. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây kéo; 02 biển số xe 68T1-14543 và 70F5-6346; 01 cuộn băng keo đen; 01 cây kìm; 01 cây chìa khóa đầu 10 và đầu 12; 01 lưỡi lam cũ.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Võ Văn S 01 điện thoại Nokia 1134 màu đen, bể màn hình, do không liên quan đến vụ án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Võ Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN CHIẾN